TAND HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thương.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2020/ TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lù Nụ C - Sinh ngày 01/01/1968, tại huyện M, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Li.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Hmông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lù BLa S (đã chết); con bà: Tráng Thị C, sinh năm 1933.

Vợ Tráng Thị C, sinh năm 1967, hiện trú tại: Xã N, huyện V, tỉnh L. Bị cáo có 04 con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Liệu Thị Thư, sinh năm 1988 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng HMông:* Ông Thào A N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Công H - Chủ tịch Ủy ban nhân huyện V - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: (Giấy ủy quyền số 6/GUQ-UBND ngày 30/10/2020) Ông Vấn Gia L, sinh năm 1978 - Chủ tịch Ủy ban nhân xã N, huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1 - Ông Thào Chờ V, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh L - có mặt.

2 - Bà Tráng Thị C, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Người làm chứng: 1 - Anh Thào A S, sinh năm 1982 - Có mặt.

2 - Ông Tráng Xú N, sinh năm 1974 - Có mặt.

3 - Bà Lù Thị S, sinh năm 1973 - Có mặt.

4 - Bà Tráng Thị C, sinh năm 1967 - Có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 02/2020, Lù Nụ C và Tráng Xú N - sinh năm 1974 (đều trú tại thôn K, xã N) thống nhất trao đổi đất rừng ở khu vực Khe B, thôn K, xã N. Cuối tháng 3/2020, C đã nảy sinh ý định phát chặt gỗ, vầu trên diện tích rừng vừa đổi cho ông N để lấy đất trồng ngô. Lù Nụ C mang theo 01 con dao phát đến phát, chặt trong vòng 03 ngày hết các cây bụi, cây gỗ nhỏ và các cây vầu để lại các cây gỗ có đường kính lớn hơn. Ba ngày sau C mang một máy cưa xích lên chặt hạ gần hết các cây gỗ có đường kính lớn trên diện tích đất rừng đã phát, để lại 08 cây có tán lá nhỏ không ảnh hưởng đến việc trồng cấy. Đến ngày 25/8/2020 khi chưa kịp đốt, dọn để trồng cấy thì biết việc phát phá rừng của mình đã bị lực lượng Kiểm lâm huyện V phát hiện và biết là rừng của ông thông gia Thào Chờ V - sinh năm 1968 (ở cùng thôn). Sau đó bị can đi sang nhờ ông Thào Chờ V, con trai ông V là Thào A S - sinh năm 1982 cùng đứng ra nhận giúp là đã cùng với C phát rừng ở khu vực Khe B để giảm tiền phạt. Nếu bị phạt tiền thì C sẽ đưa tiền cho ông V và S để nộp phạt, ông V và S đã đồng ý giúp. Ngày 26/8/2020, Hạt kiểm lâm huyện V mời ông Thào Chờ V lên làm việc, ông V đã khai nhận cùng Lù Nụ C và Thào A S phát phá diện tích rừng như C nhờ. Hạt kiểm lâm huyện V đã mời Thào A S và Lù Nụ C đến làm việc S và C đều khai nhận cùng ông V thực hiện việc phát rừng. Hạt kiểm lâm huyện V phối hợp với UBND xã N mời Thào Chờ V, Thào A S và Lù Nụ C đến hiện trường kiểm tra, đo đếm xác đinh diện tích rừng bị phát, phá là 8.557m^2; số lượng cây gỗ bị chặt phá là 310 cây từ nhóm V đến nhóm VIII, có tổng khối lượng 26.560m^3; số lượng cây vầu có đường kính từ 03 cm đến 08 cm đã bị chặt phá là 1.625 cây và đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Thào Chờ V, Thào A S, Lù Nụ C.

Kết luận giám định số 17 ngày 19/10/2020 của Hội đồng giám định tư pháp tập thể - Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai, kết luận: Vị trí, địa danh và diện tích rừng bị thiệt hại nơi xảy ra vụ phá rừng trái pháp luật có tọa độ đại diện X = 464406, Y = 2430754 tại các lô 12, 16, khoảnh 9, tiểu khu 505 xã N, huyện Văn Bàn, với diện tích rừng bị thiệt hại là 8.557m^2; trên diện tích phá rừng trái pháp luật số lượng cây gỗ bị chặt phá là 310 cây thuộc nhóm V đến nhóm VIII, có tổng khối lượng 26,560m^3; số cây vầu bị chặt phá là 1.625 cây có đường kính từ 3cm đến 8cm; lô rừng bị phá là rừng tự nhiên; loại rừng vầu tự nhiên núi đất; Trạng thái rừng là rừng trung bình; chức năng rừng là rừng tự nhiên sản xuất; đánh giá ảnh hưởng của việc phá rừng trái pháp luật đến môi trường sinh thái thì tổ chức giám định không

đủ điều kiện để đánh giá cụ thể ảnh hưởng của việc phá rừng trái pháp luật đến môi trường sinh thái.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐGTS ngày 23/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn, kết luận: Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên, với diện tích là 8.557m^2, Tong đó: Lâm sản là gỗ là 310 cây Gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng là 26,560m^3 có giá trị 41.190.624 đồng; Lâm sản Vầu là 1.625 cây, có giá trị là 8.683.979 đồng. Tổng cộng là 49.874.603đ.

*Tại bản Cáo trạng số: 73/CT-VKS ngày 25/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, quyết định truy tố bị cáo Lù Nụ C ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lù Nụ C phạm tội "Hủy hoại rừng".

* Về hình phạt:

- Hình phạt chính: + Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên phạt bị cáo Lù Nụ C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Văn Bàn giám sát, giáo dục.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát có tổng chiều dài 82cm là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 cưa xăng nhãn hiệu Husqvanna do Thụy Điển sản xuất là công cụ phạm tội đã thu giữ của bị cáo.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Nụ C 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo sống bằng nghề trồng trọt, thu nhập chỉ đủ ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo, đại diện bị hại, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lù Nụ C khai nhận: Do muốn có đất để trồng Ngô phát triển kinh tế gia đình, trong 06 ngày liên tiếp vào khoảng cuối tháng 3/2020 Lù Nụ C lên rừng khu vực Khe B thôn K, xã N thuộc quyền sử dụng của hộ ông Thào Chờ V được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 864840 giao quyền sử dụng thửa đất số 522, tờ bản đồ số 2 với diện tích 111.617m^2, mục đích sử dụng đất R.Tn.P (*khoanh nuôi bảo vệ, phục hồi, làm giàu rừng tự nhiên để phòng hộ)*, trong thời hạn từ 12/2004 đến 12/2054 dùng 01 con dao phát và một máy cưa xích chặt hạ hết các cây bụi, vầu và các cây gỗ hủy hoại 8,557m^2 rừng sản xuất chỉ để lại 08 cây có tán lá nhỏ không ảnh hưởng việc trồng cấy. Làm thiệt hại về lâm sản gồm: 310 cây gỗ, trữ lượng 26,560m^3 thuộc nhóm V đến nhóm VIII; 1.625 cây Vầu. Tổng trị giá thiệt hại về lâm sản và giá trị về môi trường là 49.874.603đ.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai của đại diện bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lù Nụ C phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[**3**] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm hại nghiêm trọng đến môi trường rừng, môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng hệ sinh thái, khí quyển. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng hám lợi nên vẫn cố ý hủy hoại rừng để lấy đất trồng trọt. Nên cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tính chất răn đe phòng ngừa chung, đặc biệt tình hình hủy hoại rừng đang diễn ra phức tạp tại huyện V nói riêng và tỉnh L nói chung.

[**4**] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi hủy hoại rừng với lỗi cố ý trực tiếp.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số một phần hạn chế hiểu biết pháp luật. Bị cáo sống bằng nghề trồng trọt thu nhập đủ ăn, không có tài sản riêng gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 243 để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm này bị cáo luôn chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nên không cần thiết phải cách li khỏi xã hội cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo Lù Nụ C phải bồi thường thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường, chức năng sinh thái của rừng trên diện tích rừng bị hủy hoại là 49.874.603đ. Ngày 25/11/2020 đã nộp 25.000.000đ theo biên lai số AA/2010/ 0003985; Ngày 29/12/2020 đã nộp nốt 24.874.603đ tiền bồi thường thiệt hại tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh L cần xác nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 con dao phát có tổng chiều dài 82cm là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 cưa xăng nhãn hiệu Husqvanna do Thụy Điển sản xuất là công cụ phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với các cây gỗ, cây vầu đã bị chặt phá, quá trình điều tra xác định không có khả năng thu giữ số lâm sản trên, mặt khác để không ảnh hưởng đến sự tái sinh rừng trở lại, nên không tiến hành thu giữ vận chuyển đi, nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A V bà Tráng Thị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

Đối với ông Thào Chờ V và anh Thào A S có hành vi khai báo và cung cấp tài liệu không đúng sự thật nhưng không phải là chủ thể của tội "Cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối" theo quy định tại Điều 382 Bộ luật Hình sự. Ông V và anh S không tham gia phá rừng cùng với Lù Nụ C nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lù Nụ C phạm tội: "Hủy hoại rừng".

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Nụ C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Lù Nụ C đã bồi thường 49.874.603đ (bốn mươi chín triệu tám trăm bẩy tư nghìn sáu trăm linh ba đồng) cho bị hại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh L.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao phát dài

82cm, phần chuôi dao làm bằng gỗ dài 43cm, lưỡi dao dài 39cm; Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy cưa xăng mầu đỏ nhãn hiệu Husqvarna – 365 số hiệu 9670826-00; SN 093500414 do Thụy Điển sản xuất có tổng chiều dài 109cm, chiều dài thân máy 43cm, lam cưa và xích dài 66cm, chiều cao máy 30cm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lù Nụ C phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01); Người bào chữa;
- Đại diện bị hại; UBND huyện;
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái